TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **113**/2022/DS-ST Ngày 29/9/2022 V/v Tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Bà Lý Thị Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 24 và ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 45/2021/TLST-DS, ngày 24/3/2021 về việc "*Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 27/7/2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Ông **Đào Văn P**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn 23, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn:* **Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang**

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Xuân B, chức vụ: Chi cục trưởng;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Hồng N, chức vụ: Trưởng phòng thanh tra pháp chế và ông Hà Thanh T, chức vụ: Kiểm lâm viên Phòng thanh tra pháp chế.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án ông Đào Văn P trình bày: Tại bản án số 01/2014/HC-ST ngày 20/8/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn P về việc yêu cầu huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0014572/QĐ-XPHC ngày 27/3/2013 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang; Tại Bản án số 201/2017/HC-

PT ngày 14/7/2017 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, chấp nhận yêu kháng cáo của ông Đào Văn P, sửa bản án số 01/2014/HC-ST ngày 20/8/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, ông P xác định việc Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang xử phạt ông P là sai, dẫn đến việc ông P phải khởi kiện và theo kiện, việc theo kiện là 05 năm với rất nhiều lần đến Toà làm ông P thiệt hại về mất ngày công lao động, việc thu giữ và bảo quản tài sản thu giữ của ông P không đảm bảo dẫn đến ông P bị thiệt hại tài sản do tài sản bị hư hỏng mất giá. Tài sản bị thiệt hại 16 chi tiết gỗ Nghiến, lắp ghép thành 03 đôi Lộc Bình, tại thời điểm bị Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang thu giữ của ông P trị giá gần 1 tỷ đồng. Ông P không có tài liệu gì để chứng minh về giá trị tài sản của ông P tại thời điểm bị thu giữ. Sau khi có bản án phúc thẩm ông P đã nhận lại tài sản do Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang trả lại. Sau khi nhận lại tài sản khoảng 3 tháng ông P đã bán 02 đôi Lộc Bình (mỗi một đôi được ghép từ 03 chi tiết gỗ) cho hai người đàn ông tôi không nhớ họ tên, năm sinh địa chỉ cụ thể ở đâu, ông P chỉ nhớ là ở Quảng Ninh, ông P chưa cung cấp được thông tin cụ thể, một đôi với giá 230.000.000 đồng (*hai trăm ba mươi triệu đồng*), một 210.000.000 đồng (*hai trăm mười triệu đồng*), sản phẩm còn lại ông P để ở nhà một người bạn tên là Nguyễn Anh Túc, có địa chỉ thị trấn Na Hang. Ông P yêu cầu Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang: Bồi thường thiệt hại do trượt giá, hư hỏng, nứt mốc 16 đoạn gỗ nghiến 1,192m^2 khối gỗ nghiến do Chi cục kiểm lâm xử lý vi phạm hành chính, thu giữ sai quy định dẫn đến thiệt hại cho ông P, cụ thể: Trượt giá do bị hư hỏng: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*)/01 đôi lộc bình x 03 đôi = 60.000.000 đồng; Chi phí công thợ sửa phun kiện mỗi đôi 5.000.000 đồng/01 đôi x 03 đôi = 15.000.000 đồng; Bồi thường thiệt hại do 02 lần tham gia xét xử tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ngày công lao động, danh dự, tổn thất tinh thần là 15.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản ông P yêu cầu bồi thường là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

Tại biên bản làm việc ngày 19/8/2022, ông Đào Văn P trình bày các căn cứ chứng minh về những ngày ông bị mất thu nhập và căn cứ xác định ngày công trung bình của ông Đào Văn P là 500.000 đồng/ngày, ông P có 18 lần làm đơn và nộp đơn tại các cơ quan trên địa bàn thành phố T, 16 lần đi lại từ nhà đến các cơ quan trên địa bàn thành phố T để tham gia giải quyết khiếu kiện đối với Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, 04 lần Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội triệu tập để giải quyết vụ án, 02 ngày tham gia phiên tòa tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và 01 ngày tham gia phiên tòa tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của Chi cục kiểm lâm tỉnh khai như sau: Ngày 05/9/2017, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang nhận được Bản án hành chính phúc thẩm số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Toàn án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; nội dung: sửa bản án sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 20/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0014572/QĐ-XPHC ngày 27/3/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang. Không đồng ý với quyết

định của Tòa án cấp phúc thẩm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang đã làm Đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét Bản án hành chính phúc thẩm số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng: Hủy bỏ Bản án hành chính phúc thẩm số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang số 01/2014/HC-ST ngày 20/8/2014. Ngoài ra, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang đã gửi đơn đến Ủy ban Tư pháp Quốc Hội đề nghị Ủy ban Tư pháp Quốc Hội kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xem xét Bản án hành chính phúc thẩm số 201/2017/HC-PT; Ngày 29/6/2020 Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang nhận được Thông báo số: 476/TB-VKS-HC ngày 26/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc xử lý đơn đề nghị giám đốc thẩm, có nội dung:*"Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Công văn yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chuyển hồ sơ vụ án để xem xét theo quy định của pháp luật. Ngày 19/6/2020, tại Công văn số 4670/TANDCC-VP Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo hồ sơ vụ án trên đã được chuyển cho Tòa án nhân dân tối cao xem xét giải quyết theo thẩm quyền…";* Ngày 22/12/2020 Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang nhận được Văn bản số 2836/UBTP14 ngày 16/12/2020 của Ủy ban Tư pháp Quốc hội về việc xem xét giải quyết đơn. Theo như nội dung Văn bản số 2836/UBTP14, Ủy ban Tư pháp Quốc hội đã đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và trả lời đơn đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, đồng thời thông báo kết quả giải quyết đến Ủy ban Tư pháp Quốc hội. Từ lý do trên, Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xem xét tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết đơn của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao như đã trình bày trên.

Tòa án nhân dân thành phố T tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do cần chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân Tối cao, sau đó tiếp tục giải quyết vụ án vì lý do tạm đình chỉ không còn (tại Thông báo của Tòa án nhân dân Tối cao, xác định không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng các bên không thống nhất thỏa thuận được về nội dung giải quyết vụ án. Nguyên đơn ông Đào Văn P yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản đối với tài sản là 16 chi tiết gỗ lắp ghép thành 03 đôi lộc bình đã thành phẩm mà Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang thu giữ và trả lại cho ông Đào Văn P theo Bản án hành chính phúc thẩm số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Toàn án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xác định giá tại thời điểm thu giữ và giá tại thời điểm trả lại tài sản qua đó tính trượt giá tài sản do bị hư hỏng và tiền công thợ sửa chữa 03 đôi lộc bình. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, thành lập Hội đồng định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Kết quả định giá ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Tài sản định giá là toàn bộ chi tiết gỗ (dạng gỗ nghiến) lắp ghép thành 03 đôi lộc bình bằng 06 chiếc đã thành phẩm, khối lượng khoảng 1,192m^3 *(thẩm định trên cơ sở ảnh chụp và video do nguyên đơn cung cấp cho Toà án vì thực tế không còn tài sản và tình trạng như bản án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm đã tuyên).* Nếu chế biến mới từ sản phẩm thân gỗ thành sản phẩm là đôi lộc bình mới có độ cao khoảng 1,77m; đường kính 50; vanh 150, nhân công khoảng 4,5 triệu đồng/ đôi; Thành tiền của 03 đôi x 4,5 triệu đồng/ đôi = 13,5 triệu đồng; Nếu chỉ chỉnh sửa, như tiện, đánh giáp, phun sơn, khắc phục cỗ nứt...thì nhận công chỉ bằng ½ làm mới là 2.250.000 đồng/ đôi, cụ thể:Thành tiền của 03 đôi x 2.250.000 đồng/đôi = 6.750.000 đồng. *(Sáu triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng).* Tại thời điểm năm 2018 và 2019 (Tiền công thợ): Nếu chế biến mới từ sản phẩm thân gỗ thành sản phẩm là đôi lộc bình mới có độ cao khoảng 1,77m; đường kính 50; vanh 150, nhân công khoảng 2,2 triệu đồng/ 01 đôi; Thành tiền của 03 đôi x 2,2 triệu đồng/ đôi = 6,6 triệu đồng; Nếu chỉ chỉnh sửa, như tiện, đánh giáp, phun sơn, khắc phục cỗ nứt...thì nhận công chỉ bằng ½ làm mới là 1.100.000 đồng/đôi, cụ thể: Thành tiền của 03 đôi x 1.100.000 đồng/ đôi = 3.300.000 đồng *(Ba triệu bẩy ba trăm nghìn đồng.* Tại thời điểm quyết định xử lý hành chính 2013: Mỗi một đôi lọ lộc bình cao khoảng 1,7m trị giá khoảng 20 đến 25.000.000 đồng/đôi; 03 đôi khoảng 60.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng; Tại thời điểm Chi cục Kiểm lâm trao trả tài sản (năm 2018) theo video và ảnh chụp do ông P cung cấp, mỗi một đôi lộc bình cao khoảng 1,7m trị giá khoảng 20 đến 25.000.000 đồng/đôi; 03 đôi khoảng 60.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng.

Kết quả định giá ngày 22 tháng 8 năm 2022, Hội đồng định giá tính giá trị bị giảm của 03 đôi lộc bình (năm 2018 so với năm 2013) gồm 16 chi tiết gỗ nghiến, lắp ghép thành 03 đôi lộc bình, bằng 06 chiếc đã thành phẩm, có khối lượng là 1,192m^3 *(tình trạng như bản án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm đã tuyên)*, xác định giá thành lộc bình năm 2013, bán sản phẩm là: 31.546.600 đồng đến 33.626.666 đồng, năm 2018 chỉ còn 25.000.000 đồng. Vậy trượt giá là 6.546.600 đồng/ đôi. Sản phẩm hư hỏng giảm giá trị (trượt giá) là 6.309.300 đồng/01 đôi, trượt giá đối với 03 đôi từ 18.928.000 đồng đến 19.639.800 đồng đối với cả 03 đôi. Kết luận: Trượt giá (giảm giá trị của sản phẩm) (năm 2018 so với năm 2013): 19.639.800 đồng/ 03 đôi + 18.928.000 đồng/ 03 đôi) : 02 = 19.283.900 đồng/ 03 đôi. Vậy trượt giá của 01 đôi = 6.427.967 đồng, làm tròn số = 6.428.000 đồng/đôi.

Kết quả xác minh ngày 20/7/2022 đối với lộc bình được sản xuất, lắp ghép như vậy thì công thợ sản xuất cao hơn so với làm lộc bình nguyên khối, vào thời điểm năm 2018, 2019 thì tiền thuê công thợ sản xuất, lắp ghép hoàn thiện làm mới là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/01 đôi. Trường hợp rạn nứt, vỡ mọt, mục thì

giá thuê sửa chữa, làm đẹp lại cũng phải như làm mới là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/01đôi; Vào thời điểm từ năm 2012 đến năm 2013, một đôi lộc bình gỗ nghiến với kích thước như mô tả trong ảnh, video và kích thước như Bản án số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, nếu vân gỗ bình thường thì có giá khoảng 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*)/01 đôi đến 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*)/01 đôi, đối với lộc bình có vân gỗ đẹp suất xắc thì có giá lên khoảng 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*)/01 đôi; Đối với lộc bình đã nứt rạn, vỡ mọt, mục mà phải sửa chữa, làm đẹp lại thì mất giá khoảng 15% đến 20% giá trị; Trường hợp yêu cầu trượt giá sản phẩm do bị hư hỏng như trên với mức 20.000.000 đồng/ 01 đôi lộc bình thành phẩm là tương đối phù hợp, không cao so với thực tế.

Kết quả xác minh ngày 03/8/2022, vào thời điểm năm 2018, công thợ sản xuất lắp ghép hoàn thiện mới khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/đôi lộc bình, trường hợp nứt vỡ, mọt mục thì thợ sửa chữa, làm đẹp lại cũng bằng công làm mới. Vào thời điểm năm 2012 đến năm 2013 một đôi lộc bình kích thước như ảnh video và Bản án thì nếu gỗ thường giá nhập khoảng 30.000.000 đồng/đôi, giá bán ra thì cao hơn rất nhiều tùy khách mua, lộc bình có vân gỗ đẹp xuất sắc thì giá nhập khoảng 70.000.000 đồng/đôi, giá bán tùy khách, trung bình khoảng 120.000.000 đồng, gặp khách có thể lên đến 200.000.000 đồng/đôi; Đối với lộc bình bị nứt vỡ, mọt, giảm giá trị từ 30% đến 40%, sản phẩm bị nứt sâu như trong ảnh có thể giảm giá trị đến 60%. Trường hợp yêu cầu trượt giá 20.000.000 đồng/đôi là không cao, thực tế có thể mất giá đến 40.000.000 đồng/đôi.

Tại phiên tòa:

- Ông Đào Văn P trình bày: Trên cơ sở Bản án hành chính số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên, ông P xác định do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0014572/QĐ-XPHC ngày 27/3/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang ban hành sai dẫn đến ông P phải theo kiện gây thiệt thiệt hại cho ông P trong suốt thời gian khiếu kiện, ông P xác định thu nhập trung bình 01 ngày của ông P trong thời gian ông P phải tham gia tố tụng đối với vụ án Hành chính tại hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm của ông P là từ 1.000.000 đồng/ngày đến 1.500.000 đồng/ngày, tuy nhiên cũng có ngày không được đồng nào nhưng ông P yêu cầu xem xét ngày công lao động của ông P với số tiền 500.000 đồng/ngày; Ông P khai về nghề nghiệp ông P là lao động tự do, không mở xưởng, không mở công ty và cửa hàng về lĩnh vực sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ đồng thời không có giấy phép đăng ký kinh doanh, về chứng minh thu nhập của ông Đào Văn P ngoài Đơn xin xác nhận của ông P ra ông P không có tài liệu gì để chứng minh, ông P cũng khẳng định thu nhập của ông P là ông P nói ra chứ những người có tên trong đơn xin xác nhận về

thu nhập của ông không thể biết được ông P có thu nhập là bao nhiêu; Về các chi phí yêu cầu bồi thường ông P đề nghị HĐXX căn cứ các tài liệu ông P đã giao nộp cho Tòa án và biên bản làm việc ngày 19/8/2022 với ông P tại Tòa án nhân dân thành phố T để tính số ngày công lao động bị mất là 30 ngày; số lần in ấn tài liệu, làm và nộp đơn khiếu kiện trong quá trình khiếu kiện quyết định hành chính của Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang là 18 lần, số lần đi lại từ nhà ra các cơ quan tại thành phố T là 16 lần tương ứng với 32 lượt đi lại, số ngày phải thuê phòng nghỉ tại Hà Nội là 4 ngày đêm theo Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Yêu cầu Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang bồi thường các khoản cụ thể như sau: Chi phí cho cả hai lần giải quyết khiếu kiện hành vi hành chính tại cấp sơ thẩm gồm: Chi phí đi lại trong đó có chi phí 16 lần đi lại (32 lượt) từ nơi cư trú của ông P đến các cơ quan giải quyết khiếu kiện của ông P trên địa bàn thành phố T (ông P đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật), chi phí thuê xe taxi 4.000.000 đồng/chuyến x 04 chuyến Tuyên Quang đi Hà Nội và từ Hà Nội về Tuyên Quang là 16.000.000 đồng *(mười sáu triệu đồng*) cho 4 lần đi lại theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân cấp cao để giải quyết vụ án hành chính, chi phí ăn ngủ nghỉ là 1.500.000 đồng/ngày đêm x 4 đêm là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), chi phí vận chuyển lộc bình 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) từ nhà ông P đến nơi sửa chữa lại lộc bình sau khi Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang giao trả ông P, chi phí thuê luật sư là 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*), chi phí in ấn tài liệu, thuê làm đơn và nộp đơn theo ông P yêu cầu mỗi lần từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng/lần x 18 lần làm đơn là từ 2.700.000 đồng đến 3.600.000 đồng, cước phí bưu điện cho 18 lần nộp đơn theo quy định của pháp luật; Tiền mất thu nhập do mất ngày công lao động với số tiền 500.000đồng/1ngày x 30 ngày là 15.000.000 đồng, bồi thường tổn thất tinh thần và danh dự do phải tham gia khiếu kiện số tiền là 15.000.000 đồng; Thiệt hại do tài sản bị mất giá do sau khi thu giữ bị hư hỏng là 60.000.000 đồng/ 03 đôi lộc bình; Chi phí ông P phải sửa chữa tài sản do bị hư hỏng sau thời gian Chi cục kiểm lâm thu giữ là 15.000.000 đồng.

- Đại diện theo ủy quyền của Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang trình bày: Không nhất trí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông P sau khi Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội tuyên bản án phúc thẩm, ngày 19/6/2018 Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang đã trả lại ông Đào Văn P toàn bộ 16 chi tiết gỗ lộc bình thu giữ của ông Đào Văn P, tại thời điểm trả lại tài sản không có thay đổi gì về số lượng, tình trạng, không có hiện tượng bị mục ải, không có mối mọt, giữ nguyên phẩm cấp như trước đây, ông P cũng đã kiểm tra và nhận đủ số lượng 16 chi tiết gỗ lộc bình chế biến từ gỗ Nghiến, có khối lượng 1,192m^3 gỗ Nghiến do Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang giao trả và khẳng định đúng chủng loại, số lượng tang vật (gỗ nghiến) đúng là lâm sản của ông Đào Văn P; Ông P chưa đưa ra được chứng cứ hợp pháp để chứng minh về mức độ thiệt hại cụ thể, trong tổng số 16 sản phẩm bằng gỗ Nghiến (do cơ sở chế biến của ông Quang đang chế biến, bị

Chi cục Kiểm lâm tịch thu tại Quyết định số 0014572/QĐ-XPVPHC ngày 27/3/2013), gồm các chi tiết: Cổ lộc bình, thân lộc bình, chân lộc bình được chế biến từ gỗ Nghiến do Chi cục Kiểm lâm giao trả cho ông P ngày 19/6/2018 có bao nhiêu chi tiết sản phẩm bị hư hỏng so với tình trạng thực tế của chi tiết, sản phẩm khi bị cơ quan Kiểm lâm tạm giữ, tịch thu; mức độ hư hỏng, không có chứng cứ mô tả, so sánh tình trạng thực tế của từng chi tiết, sản phẩm, chất lượng khi bị tạm giữ, tịch thu với hiện trạng thực tế của hiện tại của từng chi tiết, sản phẩm khi được Chi cục Kiểm lâm giao trả ngày 19/6/2018; Kể từ ngày 03/01/2013 kiểm tra phát hiện và tạm giữ (tại biên bản kiểm tra số 0066033/BB-KT ngày 03/01/2013) số lượng, khối lượng lâm sản nêu trên cho đến ngày 19/6/2018 khi Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang thi hành bản án số 201/2017/HC-PT của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, số tang vật này gồm: 16 sản phẩm chế biến từ gỗ Nghiến (gồm: chân, thân, đế Lộc Bình), có khối lượng 1,192m^3 (là tang vật tịch thu tại Quyết định số 0014572/QĐ-XPVPHC ngày 27/3/2013 của Chi cục Kiểm lâm) được Chi cục Kiểm lâm quản lý, bảo quản tại Nhà kho của Chi cục Kiểm lâm (Nhà kho của Chi cục đảm bảo các điều kiện theo đúng quy định của pháp luật, như: Có hệ thống tường rào bảo vệ, có mái che (chống mưa, nắng), có hệ thống chiếu sáng; đảm bảo thoáng khí, khô ráo; có nội quy ra vào và phòng cháy, chữa cháy….). Bên cạnh đó theo tính chất, đặc điểm của loài gỗ Nghiến cho thấy: gỗ Nghiến là loại gỗ quý, hiếm thuộc nhóm IIA và là loại gỗ tốt, rất cứng (người dân địa phương thường gọi là "Thép nguội"); nấm mốc không thể xâm nhập được. Chi cục Kiểm lâm khẳng định: Số lượng, khối lượng lâm sản, gồm 16 sản phẩm được chế biến từ gỗ Nghiến đang được cơ sở chế biến gỗ của ông Trần Thanh Quang chế biến thuê cho ông Đào Văn P thành các chi tiết như: Cổ Lộc Bình, Thân Lộc Bình, Chân Lộc Bình. Do đó chưa phải là sản phẩm đồ gỗ hoàn chỉnh (tức chưa chế biến thành các chiếc lộc bình hoàn chỉnh) mà đó là các chi tiết đang được chế biến (gồm: thân lộc bình 06 chi tiết, cổ lộc bình 06 chi tiết, chân lộc bình 04 chi tiết);

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, tổn thất tinh thần và thiệt hại do mất thu nhập về những ngày công lao động bị mất do phải tham gia khiếu kiện, chi phí thuê luật sư, chi phí in ấn, phô tô tài liệu, chi phí gửi đơn thư khiếu kiện, chi phí đi lại, chi phí thuê phòng nghỉ trong quá trình khiếu kiện quyết định hành chính và tham gia tố tụng tại Tuyên Quang và Hà Nội trong quá trình giải quyết vụ án Hành chính, bị đơn không có ý kiến gì, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết yêu cầu của ông P theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Vụ án về "*Tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*" được thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại Các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết

vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 589 của Bộ luật dân sự; các quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang bồi thường cho ông Đào Văn P các khoản chi phí gồm: chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu, chi phí gửi đơn thư, chi phí thuê Luật sư;

- Không chấp nhận phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại do tài sản bị giảm giá trị số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*)/03 đôi lộc bình (16 chi tiết gỗ); chi phí sửa chữa, phun sơn 03 đôi lộc bình bị hư hỏng là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*); Chi phí bồi thường tổn thất tinh, thần, danh dự là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) và chi phí vận chuyển lộc bình 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng).*

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đào Văn P yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính của Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang gây ra, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nguyên đơn cư trú tại thành phố T, bị đơn có trụ sở tại thành phố T. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt theo giấy triệu tập của vụ án;

- Các đương sự đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ của vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn giao nộp 01 Đơn xin xác nhận ngày 20/9/2022 và 01 Giấy xác nhận về nơi cư trú của ông Bùi Xuân C; bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Đào Văn P yêu cầu Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại do Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số số 0014572/QĐ-XPHC ngày 27/3/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang ban hành sai dẫn đến ông P phải theo kiện gây thiệt hại về mất ngày công lao động, tổn thất tinh thần, danh sự và tài sản bị mất giá do sau khi thu giữ bị hư hỏng, ông P phải sửa chữa, cụ thể ông P yêu cầu bồi thường thiệt hại các khoản như sau: Chi phí cho cả hai lần giải quyết khiếu kiện hành vi hành chính tại cấp sơ thẩm gồm: Chi phí đi lại trong đó có chi phí 16 lần đi lại (32 lượt) từ nơi cư trú của ông P đến các cơ quan giải quyết khiếu kiện của ông P (ông P đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật), chi phí thuê xe từ Tuyên Quang đi Hà Nội là 16.000.000 đồng (*mười sáu triệu đồng*), chi phí thuê luật sư là 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*), chi phí in ấn tài liệu, thuê làm đơn và nộp đơn theo ông P yêu cầu mỗi lần từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng/lần x 18 lần làm đơn là từ 2.700.000 đồng đến 3.600.000 đồng, cước phí bưu điện cho 18 lần nộp đơn theo quy định của pháp luật; Chi phí ăn và ngủ nghỉ 04 ngày ở Hà Nội là 6.000.000 đồng; Chi phí vận chuyển lộc bình là 2.000.000 đồng từ nhà ông P đến nhà ông Ngô Văn Đoàn để thuê sửa chữa lại lộc bình sau khi ông P được Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang giao trả; Tiền mất thu nhập do mất ngày công lao động với số tiền 500.000đồng/1ngày x 30 ngày là 15.000.000 đồng, bồi thường tổn thất tinh thần và danh dự do phải tham gia khiếu kiện số tiền là 15.000.000 đồng; Thiệt hại do tài sản bị mất giá do sau khi thu giữ bị hư hỏng là 60.000.000 đồng/ 03 đôi lộc bình; Chi phí ông P phải sửa chữa tài sản do bị hư hỏng sau thời gian Chi cục kiểm lâm thu giữ là 15.000.000 đồng.

Về căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 201/2017/HC-PT ngày 14/7/2017 của Toàn án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; nội dung: sửa bản án sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 20/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số số 0014572/QĐ-XPHC ngày 27/3/2013 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, căn cứ Điều 598 của Bộ luật dân sự, điểm b khoản 1 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do chính hành vi của người thi thành công vụ gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Do đó, các vấn đề liên quan đến chế độ trách nhiệm bồi thường của Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang trong vụ án này thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

Đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại về mất ngày công lao động bị mất do phải theo kiện, bồi thường danh dự và tổn thất tinh thần với số tiền là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) của ông Đào Văn P. HĐXX xét thấy, tại các điều luật và các văn bản hướng dẫn không quy định khoản bồi thường danh dự và tổn thất tinh thần đối với trường hợp của ông Đào Văn P nên không có căn cứ giải quyết. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường danh dự và

tổn thất tinh thần của ông Đào Văn P. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 24 và Điều 28 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, quy định về "*Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút và các chi phí khác được bồi thường*"nên cần áp dụng để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn do lỗi của Cơ quan hành chính là Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang gây ra là hợp lý.

Về thiệt hại do những ngày công lao động bị mất: Căn cứ các tài liệu chứng cứ ông Đào Văn P giao nộp ngày 16/12/2021 và nội dung Biên bản làm việc ngày 19/8/2022 với ông Đào Văn P tại Tòa án nhân dân thành phố T xác định ông P bị mất 30 ngày công lao động. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông P khai thu nhập của ông từ việc sưu tầm, thiết kế một số đồ gỗ mỹ nghệ, mua gỗ thuê thợ tay nghề cao để chế tác ra các sản phẩm, thu nhập từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ngày, ông P yêu cầu bồi thường theo công kỹ thuật là 500.000 đồng/1ngày công lao động. Tuy nhiên tại phiên tòa ông P khai việc làm nghề của ông không có đăng ký kinh doanh, không mở cửa hàng, không mở xưởng và cũng không thành lập công ty về lĩnh vực ông P hoạt động mà chỉ là lao động tự do; Theo kết quả xác minh ngày 26/9/2022 về ngành nghề của ông Đào Văn P, qua Công chức văn phòng thống kê của UBND xã K cung cấp " theo danh sách các hộ sản xuất kinh doanh cá thể trên địa bàn xã K không có tên ông Đào Văn P", thu nập trung bình của một lao động trên địa bàn xã K năm 2022 là 48.300.000 đồng/năm, tương ứng với 4.025.000 đồng/tháng, quy ra thu nhập một ngày công lao động trên địa bàn là 134.200đ (*một trăm ba tư nghìn hai trăm đồng*). Tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà Nước quy định: "*...Nếu không xác định được thu nhập trung bình cùng loại của lao động cùng loại tại địa phương thì thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút được bồi thường là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi người bị thiệt hại cư trú cho một ngày bị thiệt hại*.". Do vậy, HĐXX thống nhất, xác định thiệt hại do mất thu nhập về những ngày công lao động bị mất đối với ông Đào Văn P với số tiền thu nhập trung bình của 01 lao động/tháng trên địa bàn xã K năm 2022 là 4.025.000 đồng (*bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Về bồi thường chi phí thuê phòng nghỉ, đi lại, in ấn, phô tô tài liệu trong quá trình khiếu kiện quyết định hành chính, tham gia tố tụng trong vụ án Hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Theo tài liệu ông P cung cấp ông P có 18 lần làm đơn, trong đó bao gồm làm đơn khiếu nại, đơn đề nghị, đơn kiến nghị gửi đến Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Tuyên Quang, Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Tuyên Quang, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và đơn khởi kiện nộp Tại Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn và Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang; 16 lần đi tham gia giải quyết khiếu kiện tại các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang; 04 lần ông P đi Hà Nội để tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Như vậy, ông Đào Văn P đã phải chi phí thuê phòng nghỉ, đi lại, in ấn tài liệu, chi phí tham gia tố

tụng tại hai cấp Tòa án từ ngày bắt đầu tham gia tố tụng 16/9/2013 (ngày nộp tiền tạm ứng án phí Hành chính sơ thẩm) đến ngày tuyên án phúc thẩm 14/7/2017, với tổng thời gian là 03 năm 10 tháng 02 ngày, nhưng ông P không xuất trình được hóa đơn, chứng từ hợp pháp về các khoản chi phí. Do vậy, đối với chi phí được tính theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí đối với cán bộ công chức, căn cứ các tài liệu ông P cung cấp thì Phấn đi Hà Nội tham gia tố tụng 04 lần, vậy tiền thuê phòng nghỉ tại Hà Nội được tính là 04 đêm x 300.000 đồng = 1.200.000 đồng; vé xe Tuyên Quang đi bến xe khách Mỹ Đình - Hà Nội và chiều ngược lại là 110.000 đồng/lượt x 08 lượt cho 04 lần đi Hà Nội = 880.000 đồng, vé xe bus di chuyển từ bến xe khách Mỹ Đình về Tòa án nhân dân cấp cao và chiều ngược lại là 9.000 đồng/lượt x 08 lượt = 72.000 đồng; thuê đánh máy, in ấn đơn và tài liệu phục vụ cho 18 lần viết đơn, tham gia tố tụng tính trung bình 100.000 đồng/ đơn theo giá mặt bằng chung tại các quán phô tô, thành tiền là 1.800.000 đồng; chi phí đi lại từ nơi cư trú của ông P đến các cơ quan có thẩm quyền làm việc trên địa bàn thành phố T là 16 lần đi lại theo quy định về chi phí xăng xe máy là 3 lít xăng/100km, từ Trung tâm xã K đến trung tâm thành phố T và chiều ngược lại là 6,5km x 32 lượt đi = 208km tương đương với 6 lít xăng nhân với giá xăng tại thời điểm xét xử vụ án này là 22.000 đồng = 132.000 đồng; Tổng cộng chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ, in ấn, phô tô tài liệu là 4.300.000 đồng (*bốn triệu ba trăm nghìn đồng*).

Về bồi thường chi phí gửi đơn thư đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Tại điểm b khoản 2 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước quy định "*Chi phí gửi đơn thư đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết được tính theo biên lai cước phí bưu chính với giá trị được xác định tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không xuất trình được biên lai cước phí đối với các chi phí quy định tại điểm này thì chi phí được bồi thường không quá 01 tháng lương cơ sở tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này cho 01 năm tính từ thời điểm bắt đầu khiếu nại hoặc tố cáo hoặc tham gia tố tụng cho đến ngày có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền*"; Thời điểm ông P bắt đầu tham gia tố tụng trong vụ án Hành chính là ngày 16/9/2013 (ngày nộp tạm ứng án phí vụ án Hành chính sơ thẩm) đến ngày tuyên án phúc thẩm 14/7/2017, với tổng thời gian là 03 năm 10 tháng 02 ngày nhưng ông P không xuất trình được biên lai cước phí đối với các chi phí quy định tại điểm này. Theo tài liệu ông P cung cấp và nội dung biên bản làm việc với ông Đào Văn P ngày 19/8/2022 thì ông P 18 lần làm đơn, trong đó bao gồm làm đơn khiếu nại, đơn đề nghị, đơn kiến nghị gửi đến Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang, Ủy bản kiểm tra Tỉnh ủy Tuyên Quang, Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Tuyên Quang, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và đơn khởi kiện nộp Tại Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn và Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, theo mức cước phí bưu điện hiện nay: Gửi thư thông thường, cước phí từ 4.000 đồng đến 6.000.000 đồng/lượt gửi; gửi thư bảo đảm có báo phát với một thư thông thường

hiện nay là 12.000 đồng/lượt gửi và đối với 18 lần gửi đơn của ông P tương ứng với số tiền cụ thể như sau: 18 x 12.000 đồng = 216.000 đồng. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, HĐXX xét thấy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì có đủ cơ sở để buộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang bồi thường cho ông Đào Văn P tiền chi phí gửi đơn đến là 216.000 đồng (*hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

Về yêu cầu bồi thường chi phí thuê Luật sư: Tại điểm c khoản 2 Điều 28 của Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước quy định "*Chi phí thuê người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại được thanh toán theo hợp đồng thực tế nhưng không quá mức thù lao do Chính phủ quy định đối với luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và chỉ thanh toán cho một người bào chữa hoặc một người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại tại một thời điểm*". Theo ông Đào Văn P yêu cầu bồi thường về chi phí thuê Luật sư là 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình tham gia tố tụng đối với vụ án Hành chính tại 02 cấp (Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội), tuy nhiên ông P không cung cấp được tài liệu về chi phí thuê Luật sư thực tế để HĐXX xem xét. Tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, HĐXX xét thấy trên cơ sở bản án Hành chính sơ thẩm thì phiên tòa được diễn ra trong 02 ngày, theo Bản án Hành chính phúc thẩm phiên tòa được diễn ra trong 01 ngày, thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án tại Tòa án thông thường 1 đến 02 ngày, theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội là 04 lần. Do vậy, trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định, thời gian tham gia phiên tòa của Luật sư là 03 ngày, thời gian hợp lý theo yêu cầu của Cơ quan tiến hành tố tụng là 04 ngày, thời gian nghiên cứu hồ sơ là 02 ngày; tổng cộng thời gian Luật sư làm việc được tính là 09 ngày làm việc; Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC ngày 12/12/2014 quy định về mức thù lao và các khoản chi phí của Luật sư, thì mức thù lao 01 ngày làm việc của Luật sư là 0,4 lần mức lương cơ sở như vậy thù lao cho Luật sư cho 09 ngày làm việc là 1.490.000 đồng x 0,4 lần x 9 ngày = 5.364.000 đồng (*năm triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại các khoản trượt giá do lộc bình bị bị hư hỏng: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*)/03 đôi lộc bình của ông Đào Văn P. HĐXX, xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 27/5/2021 ông P khai sau khi nhận lại tài sản do Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang trả lại ông P đã bán 02 đôi lộc bình (mỗi đôi được lắp ghép từ 3 chi tiết gỗ) cho hai người đàn ông không nhớ tên tuổi địa chỉ ở đâu, một đôi trị giá 210.000.000 đồng (*hai trăm mười triệu đồng*) và một đôi trị giá 230.000.000 đồng (*hai trăm ba mươi triệu đồng*), 01 đôi bán với giá 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*), quá trình giải quyết vụ án ông P không giao nộp được 03 đôi lộc bình cho Tòa án; Tại biên bản định giá tài sản ngày 26/5/2022 xác định lộc bình vào thời điểm 2013 và năm 2018 trị giá khoảng

20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) đến 25.000.000 đồng (*hai lăm triệu đồng*)/đôi; Theo kết quả định giá tài sản ngày 22/8/2022 trị giá lộc bình như kích thức và khối lượng trong bản án Hành chính đã tuyên có trị giá tại thời điểm 2013 là 33.626.666 đồng (*ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*)/đôi, tổng 03 đôi có trị giá là 100.880.000 đồng (*một trăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn*); So sánh giá tiền ông P bán lộc bình sau khi nhận lại tài sản và giá trị lộc bình theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản trong vụ án và kết quả xác minh của Tòa án thì giá thành lộc bình ông P bán sau khi nhận lại từ Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang là cao hơn với giá của Hội đồng định giá và giá tham khảo trên thị trường. Do đó, xác định ông P không bị thiệt hại gì về tài sản. Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường trượt giá lộc bình sau thời gian bị thu giữ theo yêu cầu của ông P.

Đối với yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng chi phí sửa chữa 03 đôi lộc bình của ông Đào Văn P và số tiền 2.000.000 đồng chi phí vận chuyển lộc bình từ nhà ông P đến nhà ông Ngô Văn Đoàn để sửa chữa lại, HĐXX xét thấy, tại khoản 2 Điều 23 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước quy định: "*Trường hợp tài sản bị hư hỏng thì thiệt hại được xác định là chi phí có liên quan theo giá thị trường tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này để sửa chữa, khôi phục lại tài sản; nếu tài sản bị hư hỏng không thể sửa chữa, khôi phục thì thiệt hại được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này*", theo Giấy xác nhận viết tay của ông Ngô Văn Đoàn ngày 07/12/2021 có nội dung sửa chữa 03 đôi lộc bình cho ông P, Tòa án có triệu tập ông Đoàn để làm rõ yêu cầu của ông P về việc sửa chữa lộc bình nhưng ông Đoàn không đến tham gia phiên tòa, tại phiên tòa ông P khai sau khi được Chi cục kiểm lâm trả tài sản ông P đã đem về nhà sau đó thuê vận chuyển đến nhà ông Đoàn để thuê ông Đoàn sửa chữa chứ ông Đoàn không được tiếp nhận lộc bình tại Chi cục kiểm lâm. Do vậy, không đủ căn cứ xác định lộc bình ông Đoàn sửa chữa cho ông P là lộc bình Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang thu giữ và trả lại. Hiện nay, tài sản không còn, quá trình giải quyết vụ án ông P có giao nộp cho Tòa án bản ảnh các chi tiết gỗ lộc bình nhưng không có căn cứ để chứng minh lộc bình trong ảnh chụp là lộc bình ông P bị Chi cục kiểm lâm thu giữ và trả lại, đối với hình ảnh các chi tiết gỗ lộc bình trong video ông P cung cấp không đủ cơ sở để xác định tình trạng hư hỏng tài sản, mức độ cần sửa chữa; Tại biên bản trả lại tài sản ngày 19/6/2018, giữa Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang với ông Đào Văn P xác định toàn bộ 16 chi tiết gỗ lộc bình có đủ chữ ký của ông Đào Văn P đến thời điểm trả lại tài sản không có thay đổi gì về số lượng, tình trạng, không có hiện tượng bị mục ải, không có mối mọt, giữ nguyên phẩm cấp như trước đây, ông P cũng đã kiểm tra và nhận đủ số lượng 16 chi tiết gỗ lộc bình chế biến từ gỗ Nghiến, có khối lượng 1,192m^3 gỗ Nghiến do Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang giao trả và khẳng định đúng chủng loại, số lượng tang vật (gỗ Nghiến) đúng là lâm sản của ông Đào Văn P. Như vậy, khi ông P nhận lại tài sản thì tài sản còn nguyên vẹn, không bị hư hỏng; Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản, Kiểm sát viên yêu cầu HĐXX bổ sung việc thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đối với 16 chi tiết gỗ để xác định mức độ hư hỏng của tài sản. Tuy nhiên HĐXX xét thấy, tài sản (16 chi tiết gỗ) hiện nay không còn nên không đủ điều kiện để xem xét thẩm định tại chỗ theo

yêu cầu của Kiểm sát viên. Từ những nhận định nêu trên xét thấy, không có căn cứ để xem xét chấp nhận khoản tiền yêu cầu bồi thường là 15.000.000 đồng cho phí sửa chữa lộc bình và chi phí vận chuyển lộc bình là 2.000.000 đồng của ông Đào Văn P.

Từ những nhận định nêu trên HĐXX thống nhất:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn P đối với các khoản: Thiệt hại do do mất thu nhập của những ngày công lao động bị mất là 4.025.000 đồng (*bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); Chi phí thuê phòng nghỉ 04 đêm tại Hà Nội là 1.200.000 đồng *(một triệu hai trăm nghìn đồng*); Chi phí đi lại gồm tiền vé xe khách từ Tuyên Quang đi Bến xe Mỹ Đình - Hà Nội và chiều ngược lại 08 lượt là 880.000 đồng (*tám trăm tám mươi nghìn đồng*), vé xe bus đi từ Bến xe khách Mỹ Đình – Hà Nội đến Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội và chiều ngược lại 08 lượt là 72.000 đồng (*bảy mươi hai nghìn đồng*), in ấn tài liệu và thuê đánh máy làm đơn trong cả quá trình khiếu kiện quyết định hành chính, tham gia tố tụng trong vụ án Hành chính tại Tuyên Quang và Hà Nội là 1.800.000 đồng (*một triệu tám trăm nghìn đồng*), Chi phí gửi đơn thư 18 lần gửi đơn là 216.000 đồng (*hai tră mười sáu nghìn đồng*); Chi phí đi chi phí đi lại (tiền xăng xe máy) đi từ nơi cư trú của ông P là xã K đến các cơ quan có thẩm quyền có trụ sở tại thành phố T và chiều ngược lại trong quá trình khiếu kiện là 16 lần (32 lượt đi lại) là 208km tương ứng với 6 lít xăng bằng 132.000 đồng; Chi phí thuê Luật sư là 5.364.000 đồng (*năm triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng*); Tổng cộng là 13.689.000 đồng (*mười ba triệu, sáu trăm, tám mươi chín nghìn đồng*);

Không chấp nhận phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại do tài sản bị giảm giá trị số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*)/03 đôi lộc bình (16 chi tiết gỗ); chi phí sửa chữa, phun sơn 03 đôi lộc bình bị hư hỏng là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*); Chi phí bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) và chi phí vận chuyển lộc bình 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng).*

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 76 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, các bên đương sự không phải chịu án phí đối với nội dung bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do vậy, ông Đào Văn P được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.250.000 đồng (*hai triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000947 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí định giá tài sản là 1.850.000 đồng (*một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), do ông Đào Văn P không được chấp nhận yêu cầu về bồi thường thiệt hại về tài sản và chi phí sửa chữa tài sản nên ông Đào Văn P phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản của vụ án theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi

phí tố tụng ông P đã nộp, ông P đã được trả lại chi phí tố tụng còn thừa theo quy định của Bộ luật tố tụng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 7, khoản 2 Điều 23, Điều 28, Điều 76 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn P, buộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang bồi thường cho ông Đào Văn P đối với các khoản sau: Thiệt hại do do mất thu nhập của 30 ngày công lao động bị mất là 4.025.000 đồng (*bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); Chi phí thuê phòng nghỉ 04 đêm tại Hà Nội là 1.200.000 đồng (*một triệu hai trăm nghìn đồng*); Chi phí đi lại gồm tiền vé xe khách từ Tuyên Quang đi Bến xe Mỹ Đình - Hà Nội và chiều ngược lại 08 lượt là 880.000 đồng (*tám trăm tám mươi nghìn đồng*), vé xe bus đi từ Bến xe khách Mỹ Đình – Hà Nội đến Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội và chiều ngược lại 08 lượt là 72.000 đồng (*bảy mươi hai nghìn đồng*); In ấn, phô tô tài liệu và thuê đánh máy làm đơn trong quá trình khiếu kiện quyết định hành chính của Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang và tham gia tố tụng trong vụ án Hành chính tại tỉnh Tuyên Quang và tại Hà Nội là 1.800.000 đồng (*một triệu tám trăm nghìn đồng*); Chi phí gửi đơn thư 18 lần gửi đơn là 216.000 đồng (*hai trăm mười sáu nghìn đồng*); Chi phí đi lại (tiền 06 lít xăng xe máy) cho 16 lần đi (32 lượt) từ nơi cư trú của ông P là xã K đến các cơ quan giải quyết khiếu kiện có trụ sở tại tỉnh Tuyên Quang và chiều ngược lại trong quá trình ông P khiếu kiện quyết định hành chính và tham gia tố tụng trong vụ án Hành chính tại Tuyên Quang là 132.000 đồng (*một trăm ba mươi hai nghìn đồng*); Chi phí thuê Luật sư là 5.364.000 đồng (*năm triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng*); Tổng cộng số tiền các khoản Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang phải bồi thường cho ông Đào Văn P là **13.689.000 đồng** (*mười ba triệu, sáu trăm, tám mươi chín nghìn đồng*);

- Không chấp nhận phần yêu cầu của ông Đào Văn P về việc Chi cục kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang phải bồi thường thiệt hại do lộc bình bị giảm giá trị số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng)*; Chi phí sửa chữa lộc bình là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*); Chi phí bồi thường tổn thất tinh, thần, danh dự là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) và chi phí vận chuyển lộc bình 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Đào Văn P được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.250.000 đồng (*hai triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000947 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đào Văn P phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng khác trong vụ án là 1.850.000 đồng (*một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), ông P đã nộp đủ theo quy định.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/9/2022.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Hà Hữu Bình - Lý Thị Nhân	**Vương Thị Lan**